

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021, số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 5 năm 2022, số 50/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2022, số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022, số 38/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Thực hiện Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 và số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Xét Tờ trình số 215/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Kế hoạch huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2024

1. *Tổng vốn huy động:* Tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2024 huy động khoảng 22.900 tỷ đồng, gồm nguồn vốn ngân sách Nhà nước 4.750 tỷ đồng chiếm 20,7%; vốn FDI, vốn các thành phần kinh tế và dân cư 18.150 tỷ đồng, chiếm 79,3%.

2. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 960,721 tỷ đồng;
- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.847,848 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương trong nước 1.014,870 tỷ đồng; vốn nước ngoài 759,5 tỷ đồng, vốn Chương trình MTQG 572,214 tỷ đồng;
- Vốn các Bộ ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn: 1.105 tỷ đồng, trong đó: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông: 80 tỷ đồng; Bộ Giao thông vận tải: 1.000 tỷ đồng; các Bộ ngành khác: 25 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp nhà nước 90 tỷ đồng;
- Vốn FDI, các thành phần kinh tế khác và dân cư: 18.150 tỷ đồng, gồm: Vốn FDI và vốn các thành phần kinh tế khác 13.150 tỷ đồng và vốn dân cư 5.000 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 1,2 đính kèm)

2. Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý kế hoạch giao đầu năm 2024:

a) Vốn ngân sách địa phương: Tổng vốn 1.147,721 tỷ đồng, trong đó: chi XDCB tập trung trong nước 330,721 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 737 tỷ đồng; Xổ số kiến thiết 80 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm)*.

b) Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 742,870 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 4 đính kèm)*.

c) Vốn nước ngoài: 759,5 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương cấp phát 562 tỷ đồng, bội chi ngân sách địa phương 197,5 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 5 đính kèm)*.

d) Chương trình MTQG 312,478 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 6 đính kèm)*.

3. Dự kiến danh mục công trình trọng điểm nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024: Có 4 công trình đẩy nhanh tiến độ, gồm:

- Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
- Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ;

- Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná.

(Chi tiết theo phụ lục số 7 đính kèm).

4. UBND tỉnh có trách nhiệm

- Đối với kế hoạch vốn ngân sách địa phương phân bổ sau tại mục XII phụ lục 3, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, thông qua phân bổ chi tiết khi hoàn tất thủ tục thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn vốn giải ngân ngay sau khi được giao kế hoạch.
- Đối với vốn các nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung trong năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án.
- Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương trong quá trình triển khai thực hiện để đảm bảo mục tiêu giải ngân hết kế hoạch.
- Đối với các nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung trong năm, UBND tỉnh phân khai chi tiết, triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả phân bổ cho Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện giám sát theo quy định pháp luật.
- Đối với nguồn thu từ tiền thu sử dụng đất, Xổ số kiến thiết thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương kế hoạch năm 2024, UBND tỉnh phân bổ từng dự án tương ứng với từng loại nguồn vốn cụ thể để có cơ sở thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính; báo cáo kết quả phân bổ cho Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện giám sát theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cho HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2024.
 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
- Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

Phụ lục 1

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Kế hoạch năm 2024	So sánh		Ghi chú
		KH năm 2023	Ước TH năm 2023		UTH 2023/ KH 2023	KH 2024/UT H 2023	
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/4	8
	TỔNG SỐ	22.200	22.710	22.900	102,3%	100,8%	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.260	6.120	4.750	143,7%	77,6%	
I	VỐN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	3.236	3.819	3.645	118,0%	95,5%	
a	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.063	1.323	1.300	124,5%	98,3%	
1	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	973	973	960	100,0%	98,7%	
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN						
2	Vốn doanh nghiệp nhà nước	90	100	90	111,1%	90,0%	
3	Vốn khác		250	250		100,0%	
b	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.173	2.496	2.345	114,9%	94,0%	
1	Vốn Chương trình mục tiêu	1.896	1.896	1.773	100,0%	93,5%	
	+ Vốn trong nước	1.379	1.379	1.014	100,0%	73,5%	
	+ Vốn ngoài nước	517	517	759	100,0%		
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia	277	600	572	216,6%	95,3%	
II	VỐN CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	1.024	2.301	1.105	224,7%	48,0%	
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	100	77	80	77,0%	103,9%	
2	Bộ Giao thông vận tải	900	2.200	1000	244,4%	45,5%	
3	Bộ, ngành khác	24	24	25	100,0%	104,2%	
B	VỐN CÁC THÀNH PHẦN KT VÀ VỐN KHÁC	17.940	16.590	18.150	92,5%	109,4%	
1	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế khác	12.940	12.090	13.150	93,4%	108,8%	
	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	250	250	250	100,0%	100,0%	
	Vốn các thành phần KT	12.690	11.840	12.900	93,3%	109,0%	
2	Vốn Dân cư	5.000	4.500	5.000	90,0%	111,1%	

Phụ lục 2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN GIAO ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH NĂM 2024***(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH đầu năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.962.569	
1	Vốn ngân sách địa phương	1.147.721	
	- Chi XDCB vốn tập trung trong nước	330.721	
	- Thu tiền SD đất	737.000	
	- Xổ số kiến thiết	80.000	
2	Vốn Ngân sách Trung ương	742.870	
3	Vốn nước ngoài	759.500	
	- Vốn Trung ương cân đối	562.000	
	- Bội chi ngân sách địa phương	197.500	
5	Vốn chương trình Mục tiêu quốc gia	312.478	

Phụ lục 3

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcKẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
	TỔNG SỐ						4.009.300	1.994.490	771.789	2.014.810	1.147.721	
	- Vốn TW cân đối						1.747.300	945.749	325.789	801.551	330.721	
	- Thu tiền sử dụng đất						1.830.000	835.241	372.500	994.759	737.000	
	- Thu XSKT						432.000	213.500	73.500	218.500	80.000	
	Phân bổ chi tiết										1.147.721	
I	THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH										52.213	
a	Đã quyết toán										1.542	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Kênh Chàm và đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Nam thuộc Hệ thống thủy lợi Nhà Trính - Lâm Cẩm, tỉnh Ninh Thuận (thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung)	Sở Nông nghiệp và PTNT	985/QĐ-UBND 24/7/2023	100.085	99.718	162.539	308.546	202.924	51.026	105.989	52.213	367

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
2	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	564/QĐ-UBND 31/3/2017 1079/QĐ-UBND 04/8/2022	406.479	73.243	82.951	31.218	42.530	31.050	11.480	1.175		
b	Dự kiến quyết toán trong năm 2024										50.671	Giao UBND tỉnh bố trí vốn chi tiết cho các dự án sau khi có quyết toán được duyệt	
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1844 31/10/2018	197.280	147.280	121.926	71.926	73.399	54.046	19.353	9.472		
2	Cột thu lôi chống sét năm 2023	Chi cục Thủy lợi	522/QĐ-UBND 20/4/2023	14.624	14.624			63.000	30.505	32.495	3.838		
3	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	UBND huyện Bắc Ái	1201a 11/8/2020	186.984	30.815	144.800		30.000	19.668	10.332	10.332		
4	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận	Trường Cao đẳng nghề	2644 03/12/2010	375.942		364.482		11.460	-	11.460	11.460		
5	Thụ trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1769/QĐ-UBND 22/11/2018 1029/QĐ-UBND 03/8/2023	99.342	28.205	69.059	3.000	25.205	21.713	3.492	3.428		
6	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286	115.610	7.750	12.735	12.536	199	199		
7	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	10.965	46.958	7.060	6.700	3.428	3.272	700		
8	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	486/QĐ-UBND 13/4/2023	109.879	53.879	9.906	9.906	43.000	29.978	13.022	10.725		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			
9	Hệ thống thoát nước thị trấn Phước Dân	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp		83.969		32.196	83.452	31.679		517	517	517	
II	ĐÓI ỨNG ODA			143.151		20.816	-	-	1.853	1.500	188.514	105.400	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										<i>134.409</i>	<i>83.400</i>	
1	Hồ chứa nước Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	291.488		146.956	151.547	21.243	79.855	17.701	60.086	14.400	
2	Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiêu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	1596/QĐ-UBND 16/11/2022	2.253.010		314.983	213.676	115.808	124.852	-	74.323	69.000	Giao UBND tỉnh bố trí sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			143.151		20.816	-	-	1.853	1.500	54.105	22.000	
3	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (ADB8)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1154 10/7/2018 812 02/6/2020 199 28/02/2022	832.794		79.412	2.238	2.238	43.454	37.481	35.958	20.000	
4	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ, tỉnh Ninh Thuận (GCF)	Sở Nông nghiệp và PTNT	945/QĐ-UBND 24/5/2021	143.151		20.816	-	-	1.853	1.500	18.147	2.000	
III	ĐÓI ỨNG NSTW			1.466.829		292.871	94.800	21.000	176.273	108.331	79.210	48.500	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	387/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	245.329		145.329	73.800		110.117	57.675	18.824	8.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
2	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quang Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			104.500	54.500	21.000	33.500	4.500	29.000	18.500		
3	Đường nói từ cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 1 và Cảng biển tổng hợp Cà Ná	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	132/QĐ-UBND 31/01/20221 21217 19/9/2023		903.000	79.042	-	79.042	61.656	17.386	15.000		
4	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá Cà Ná	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	3382/QĐ-BNN-KH 27/7/2021		214.000	14.000		14.000		14.000	7.000		
IV	ĐÓI ỨNG CHUỖNG TRÌNH MTQG							120.000	58.000	62.000	56.200		
V	PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, TP							1.809.600	918.974	890.626	431.500		
a	- <i>Vốn Trung ương cân đối</i>							525.000	284.000	241.000	99.200		
	Thành phố PRTC							70.350	38.048	32.302	13.293		
	Huyện Ninh Sơn							80.586	43.601	36.985	14.751		
	Huyện Ninh Phước							78.068	42.231	35.837	15.227		
	Huyện Thuận Nam							76.073	41.154	34.919	14.374		
	Huyện Ninh Hải							71.085	38.453	32.632	13.431		
	Huyện Thuận Bắc							72.503	39.222	33.281	13.700		
	Huyện Bác Ái							76.335	41.291	35.044	14.424		
b	- <i>Thu tiền sử dụng đất</i>							700.000	476.800	223.200	167.500		
	Thành phố PRTC							245.000	160.000	85.000	70.000		
	Huyện Ninh Sơn							90.000	60.000	30.000	20.000		
	Huyện Ninh Phước							155.000	96.000	59.000	32.000		
	Huyện Thuận Nam							45.000	39.000	6.000	15.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
	Huyện Ninh Hải						145.000	110.000	40.000	35.000	20.000	
	Huyện Thuận Bắc						18.000	10.300	2.000	7.700	10.000	
	Huyện Bắc Ái						2.000	1.500	500	500	500	
c	Hỗ trợ các huyện, xã NTM						74.600	38.000	22.400	36.600	22.800	
d	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông						490.000	109.633	62.071	380.367	125.000	
	Thành phố PRTC						136.000	39.346	25.746	96.654	52.000	
	Huyện Ninh Sơn						42.000	8.400	4.200	33.600	8.400	
	Huyện Ninh Phước						109.000	19.800	10.900	89.200	21.800	
	Huyện Thuận Nam						48.000	11.087	5.725	36.913	11.300	
	Huyện Ninh Hải						100.000	20.000	10.000	80.000	20.000	
	Huyện Thuận Bắc						30.000	6.000	3.000	24.000	6.000	
	Huyện Bắc Ái						25.000	5.000	2.500	20.000	5.500	
d	Hỗ trợ Hợp tác xã						20.000	10.541	5.000	9.459	5.000	
	Thành phố PRTC						1.480	980	610	500	500	
	Huyện Ninh Sơn						3.705	926	-	2.779	1.100	
	Huyện Ninh Phước						4.445	2.801	1.689	1.644	650	
	Huyện Thuận Nam						3.705	1.468	1	2.237	1.000	
	Huyện Ninh Hải						3.705	1.852	926	1.853	900	
	Huyện Thuận Bắc						1.480	740	370	740	420	
	Huyện Bắc Ái						1.480	849	479	631	430	
e	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh						40.000			40.000	12.000	
	UBND huyện Ninh Phước						5.800			5.800	2.000	
	UBND huyện Ninh Sơn						7.000			7.000	2.000	
	UBND huyện Thuận Nam						14.400			14.400	4.000	
	UBND huyện Bắc Ái						12.800			12.800	4.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
VI	LẬP THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050			60.490	60.490	40.490	20.000	11.147	5.619	8.853	5.834	
VII	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						60.000	28.166	6.095	31.834	24.000	
	VQG Núi Chúa giai đoạn 2021-2025	BQL dự án VQG Núi Chúa									6.800	
	VQG Phước Bình giai đoạn 2021-2025	BQL dự án VQG Phước Bình									4.800	
	Dự án Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận, vay vốn AFD	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT									300	
	Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị, giám thiêu tác động biến đổi khí hậu thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải; thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước và thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước							500		500	
	Dự án Giám thiêu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hai Nam Bộ Việt Nam	Ban chuẩn bị dự án Tam nông giai đoạn 2							300		300	
	Dự án xây dựng tuyến đường động lực kết nối Cảng tổng hợp Cà Ná lên khu vực Nam Tây Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông							1.000		1.000	
	Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT							300		300	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			
	Các dự án chuẩn bị cho giai đoạn 2026-2030										10.000	
VIII	HỖ TRỢ QPAN										53.674	
I	BCH Quân sự tỉnh										34.947	
	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Trường bán, thao trường huấn luyện BCHQS		1546/QĐ-UBND 07/9/2020	120.000	20.000		46.000	20.000	-	26.000	15.000	
	Trường bán, thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh		1492/QĐ-TM 25/8/2014	131.101	60.345	35.786	24.559	22.980	4.849	1.579	1.570	
	Đường hầm Sứ chỉ huy cơ bản thời chiến huyện Ninh Phước		435/QĐ-QK 25/3/2022	42.276	42.276		42.276	10.143	8.843	32.133	4.500	
2	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh										15.204	
	Xây dựng bổ sung, nâng cấp đồn Biên phòng Phước Diêm (420)		1873/QĐ-UBND 21/12/2022	6.726	6.726		6.726	3.000	3.000	3.726	3.677	
	Xây dựng, bổ sung nâng cấp Hải đội Biên phòng 2		1874/QĐ-UBND 21/12/2022	10.500	10.500		10.500	5.000	5.000	5.500	4.527	
	Thao trường huấn luyện cấp đồn Biên phòng			400	4.000		2.000			2.000	2.000	
	Trạm kiểm soát biên phòng Cảng biển tổng hợp Cà Ná			6.500	6.500		5.000			5.000	5.000	
3	Công an tỉnh										17.400	
	Trụ sở làm việc Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Ninh Sơn, Bắc Ái		389 06/4/2022	27.920	27.920		30.000	15.744	11.630	14.256	9.400	
	Trụ sở làm việc Công an xã Lợi Hải (giai đoạn 2)			2.000	2.000		2.000			2.000	2.000	Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định
	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Phước Dân			6.300	6.300		6.300			6.300	6.000	Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
IX	HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ CHÍNH SÁCH CHUYÊN ĐÓI SỞ							25.000	2.000	-	23.000	5.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo quy định
X	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	77/NQ-HĐND ngày 31/8/2021					60.000	50.000	10.000	10.000	10.000	
XI	THUỐC HIỆN DỰ ÁN			587.340	450.278	-	-	436.567	123.830	94.160	312.737	168.400	
1	Xây mới Khoa truyền nhiễm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện tỉnh	442/QĐ-UBND 04/4/2023	14.142	13.642			13.642	4.200	4.200	9.442	8.000	
2	Di dân, tái định cư vùng sát lở núi Đả Lãn, xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	765/QĐ-UBND 23/6/2022	93.454	93.454	-		83.000	33.500	25.870	49.500	24.000	
3	Xây dựng Nhà công vụ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	1490/QĐ-UBND 28/10/2022	41.996	41.996			41.996	25.900	25.900	16.096	14.500	
4	Nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp y tế	Trường trung cấp y tế	1386/QĐ-UBND 21/7/2021	55.251	41.751	-		39.952	11.400	9.500	28.552	15.000	
5	Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin Truyền thông	1951/QĐ-UBND 31/12/2022	186.200	123.000			123.000	5.225	5.225	117.775	60.000	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	313/QĐ-UBND 13/3/2023	27.000	27.000			27.000	13.100	13.100	13.900	10.000	
7	Đầu tư và phát triển Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận thành Trường chất lượng cao đến năm 2025	Trường cao đẳng nghề	1716/QĐ-UBND 24/11/2022	71.862	12.000			12.000	-	-	12.000	6.000	
8	Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng trụ sở TAND tỉnh	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	1634/QĐ-UBND 29/11/2023	10.977	10.977			10.977			10.977	10.900	Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến cuối năm 2020		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch 2024	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
9	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư phục vụ tuần tra, kiểm soát và tìm kiếm cứu nạn trên biển	Chi cục Thủy sản	115/QĐ-UBND 26/1/2022	24.858			22.000	-		22.000	10.000	Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định	
10	Cột thu lôi chống sét năm 2024	Chi cục Thủy lợi	42/NQ-HĐND 17/5/2021	61.600			63.000	30.505	10.365	32.495	10.000	Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định	
XII	PHÂN BỐ SAU										187.000	Trình HĐND tỉnh thông qua phân bổ chi tiết khi hoàn tất thủ tục thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn vốn giải ngân ngay sau khi được giao kế hoạch	

Phụ lục 4

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2023			Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Kế hoạch đã giao	Kế hoạch kiến dự kiến sau điều chỉnh	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023			KH trung hạn còn lại	
																			Trong đó: vốn NSTW
	TỔNG SỐ																		
I	Quốc phòng																		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>																		
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 (2021-2025)	700468633	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	784/QĐ-UBND 02/5/2021 423 14/4/2022	49.227	45.000		45.000		45.000		34.000	34.000	34.000	17.000	17.000	17.000	11.000	11.000
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																		
	<i>Dự án chuyển tiếp sang hoàn thành sau năm 2024</i>																		
	<i>Dự án nhóm B</i>																		
2	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	7915460	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1762/QĐ-UBND 02/12/2022	366.187	366.187		390.000		390.000		63.778	63.778	63.778	81.626	60.000	81.626	326.222	145.000

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2023		Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số đã giao	Trong đó: vốn NSTW	Kế hoạch đã giao	Kế hoạch dự kiến sau điều chỉnh	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	KH trung hạn còn lại					
														Thu hồi ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			
IV	Giao thông			2.354.901	2.083.065	1.950.000	1.950.000	-	-	1.309.761	1.309.761	463.449	381.321	463.449	640.239	586.870		
	Thanh toán công trình hoàn thành			372.515	372.515	370.000	370.000	-	-	339.761	339.761	82.128		82.128	30.239	30.239		
3	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	7013060	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	1029/QĐ-UBND 07/6/2021		370.000	370.000			339.761	339.761	82.128		82.128	30.239	30.239		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			1.494.746	1.230.550	1.210.000	1.210.000	0	0	840.000	840.000	251.321	251.321	251.321	370.000	370.000		
4	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	7873672	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	2373/QĐ-UBND 22/12/2021		1.210.000	1.210.000			840.000	840.000	251.321	251.321	251.321	370.000	370.000		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			487.640	480.000	370.000	370.000	0	0	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	240.000	186.631		
5	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1 A)	7873671	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	2374/QĐ-UBND 22/12/2021		370.000	370.000			130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	240.000	86.631		

Biểu số 6**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**
(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
	Tổng số		368.678	312.478	56.200	Chưa kể 78.500 triệu đồng vốn đối ứng của Trường Trung cấp Y tế; Trường Cao đẳng nghề và vốn đối ứng của các huyện, thành phố đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (*)
I	Chương trình giảm nghèo bền vững		66.726	66.726	0	
a	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		44.522	44.522		
	<i>TDA1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>		<i>44.522</i>	<i>44.522</i>		
*	Huyện nghèo (Huyện Bác Ái)		41.522	41.522		
a	Thanh toán công trình hoàn thành		9.022	9.022		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
1	Nâng cấp, cải tạo Trạm y tế xã Phước Thắng	UBND huyện Bắc Ái	384	384		
2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi xã Phước Trung (Xây dựng khối hiệu bộ, nhà đa năng và các phòng chức năng)	-nt-	772	772		
3	Trường Tiểu học Phước Trung B (Xây dựng 02 phòng học, các phòng chức năng, nhà đa năng, nhà xe, nhà vệ sinh)	-nt-	1.400	1.400		
4	Trường Mầm non Phước Đại - Điểm trường Ma Hoa, Tà Lú 2 (Xây dựng 04 phòng học, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh, sân vườn,...)	-nt-	1.500	1.500		
5	Trường Mẫu giáo Phước Tiến - điểm Trà Co 1 (Xây dựng phòng học và công tường rào, sân vườn)	-nt-	145	145		
6	Trường Mẫu giáo Phước Tân (Xây mới nhà ăn cho học sinh; xây dựng các phòng học, công, tường rào, sân vườn)	-nt-	450	450		
7	Trường Mẫu giáo Phước Trung (Xây dựng 02 phòng học, khối hiệu bộ, sân vườn, tường rào, nhà ăn, bếp ăn,...)	-nt-	309	309		
8	Trường Mẫu giáo Phước Chính - điểm trường thôn Núi Rây (Xây dựng nhà ăn, nhà bếp)	-nt-	550	550		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
9	Trường Mẫu giáo Phước Hòa (Xây dựng Tường rào, phòng hội đồng, nhà bảo vệ, sân, mái vòm khu hiệu bộ) và Trường TH Võ Thị Sáu (điểm Tà Lọt): xây dựng nhà bảo vệ, sửa chữa nhà vệ sinh	-nt-	133	133		
10	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Đại (xây dựng công, tường rào và sân vườn)	-nt-	150	150		
11	Nhà văn hóa thôn Bạc Rây 1 xã Phước Bình	-nt-	94	94		
12	Đầu nối nhánh phụ mở rộng hệ thống trạm bơm tưới cho khu vực Chà Panh xã Phước Hòa	-nt-	35	35		
13	Nâng cấp, mở rộng hệ thống kênh mương thủy lợi Gia Ngheo xã Phước Bình	-nt-	100	100		
14	Nâng cấp đường liên xã Phước Tiên-Phước Tân	-nt-	3.000	3.000		
b	Công trình chuyển tiếp		16.000	16.000		
14	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Phước Tân-Phước Hòa	UBND huyện Bắc Ái	16.000	16.000		
c	Khởi công mới		16.500	16.500		
15	Trường Mầm non Phước Bình (Xây mới 02 phòng học và các công trình phụ)	UBND huyện Bắc Ái	2.000	2.000		
16	Trường Tiểu học Phước Bình B (nâng cấp, cải tạo tường rào...)	-nt-	1.000	1.000		
17	Hệ thống điện xã Phước Thắng (Ra khu sản xuất và khu tái định cư mới 4 thôn)	-nt-	1.500	1.500		
18	Trường mẫu giáo Phước Thắng (Điểm trường thôn Ma oai): Xây dựng khu hiệu bộ, nhà ăn, nhà bếp	-nt-	6.000	6.000		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
19	Trường Tiểu học Phước Tân A (điểm trường thôn Đá Trắng)	-nt-	1.000	1.000		
20	Kênh bê tông nhánh 03 cánh đồng Chà Panh, xã Phước Hòa	-nt-	2.000	2.000		
21	Trường Tiểu học Phước Trung A (Xây mới 03 phòng bộ môn, nhà vệ sinh, sân vườn)	-nt-	1.400	1.400		
22	Đường dây trung áp, hạ áp và trạm biến áp 3 pha, xã Phước Trung	-nt-	1.600	1.600		
*	Xã bãi ngang ven biển (Huyện Thuận Nam)		3.000	3.000		
a	Thanh toán công trình hoàn thành		670	670		
23	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào Trung tâm hành chính xã (đoạn từ cây xăng Quỳnh Cầu đến Bách hóa xanh)	UBND huyện Thuận Nam	100	100		
24	Thoát nước và nâng cấp đường xã Phước Dinh	-nt-	570	570		
b	Công trình chuyển tiếp		2.330	2.330		
25	Bê tông hóa các tuyến đường trong khu dân cư Đông Nam Sơn Hải 2	UBND huyện Thuận Nam	2.330	2.330		
b	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		22.204	22.204		
	TDA1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		18.635	18.635		
26	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế	Trường trung cấp Y tế	4.295	4.295		
27	Đầu tư và phát triển Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận thành Trường Chất lượng cao	Trường Cao đẳng Nghề	14.340	14.340		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
	TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững		3.569	3.569		
	Khởi công mới		3.569	3.569		
28	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	UBND huyện Ninh Sơn	1.350	1.350		
29	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	UBND huyện Thuận Bắc	1.070	1.070		
30	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	UBND huyện Ninh Hải	1.149	1.149		
II	Chương trình xây dựng nông thôn mới		113.965	65.105	48.860	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		16.170	520	15.650	
1	Đường giao thông nội thôn, nội đồng xã Thành Hải	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	180	10	170	
2	Đường giao thông nông thôn xã Phước Thuận	UBND huyện Ninh Phước	110	110		
3	Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	1.331		1.331	
4	Đường giao thông nông thôn xã Lâm Sơn	-nt-	1.716		1.716	
5	Đường giao thông nông thôn xã Lương Sơn	-nt-	928		928	

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
6	Đường giao thông nông thôn xã Hòa Sơn	-nt-	1.795	150	1.645	
7	Hạ tầng điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, xã Phương Hải	UBND huyện Ninh Hải	520		520	
8	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Hộ Hải (thôn Đá Bắn, Hộ Diêm, Lương Cách)	-nt-	600		600	
9	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Nhơn Hải (thôn Khánh Nhơn 2, Mỹ Tường 1, Mỹ Tường 2)	-nt-	1.130		1.130	
10	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Thanh Hải (thôn Mỹ Hiệp, Mỹ Phong)	-nt-	1.120		1.120	
11	Đường giao thông nông thôn xã Phước Đại	UBND huyện Bắc Ái	350		350	
12	Đường giao thông xã Phước Chính	-nt-	600		600	
13	Bê tông kênh xã Phước Chính (Bê tông kênh N6-3)	-nt-	700		700	
14	Bê tông đường nối dài khu Trà Co 1 dọc theo sông Trà Co 2 xã Phước Tiến	-nt-	550		550	
15	Bê tông hoá đường trục chính thôn Ma Oai, Ma Ty, Ha Lá Hạ, xã Phước Thắng	-nt-	997		997	
16	Bê tông hóa đường giao thông thôn Rã Giữa xã Phước Trung đi Khu sản xuất đập Hoc Roong (đoạn cấp phối)	-nt-	560		560	
17	Đường giao thông nông thôn xã Phước Tân	-nt-	500		500	
18	Bê tông xi măng các trục đường giao thông thôn Suối Lở và thôn Ma Rớ xã Phước Thành	-nt-	750		750	

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
19	Hệ thống điện khu dân cư thôn Đá Bàn xã Phước Tiến	-nt-	423		423	
20	Điện trung, hạ thế đường đi khu sản xuất Hành Rạc 2, các điểm giã dân Hành Rạc 1, xã Phước Bình	-nt-	500		500	
21	Đường giao thông nông thôn xã Lợi Hải	UBND huyện Thuận Bắc	250	250		
22	Trường mẫu giáo Công Hải, cơ sở Suối Giếng	-nt-	560		560	
b	Công trình chuyển tiếp		8.440	3.200	5.240	
23	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh huyện (giai đoạn 1)	UBND huyện Thuận Nam	5.240		5.240	
24	Bê tông đường giao thông và bê tông mương thoát lũ thôn Phương Cựu 1, xã Phương Hải	UBND huyện Ninh Hải	640	640		
25	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Vĩnh Hải (thôn Vĩnh Hy Ấp Bắc, Ấp Nam)	-nt-	310	310		
26	Đường bê tông nội thôn thôn Khánh Hội và Khánh Tường, xã Tri Hải	-nt-	800	800		
27	Đường bê tông nội thôn thôn Phước Nhơn 1, xã Xuân Hải	-nt-	800	800		
28	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Tân Hải	-nt-	650	650		
c	Khởi công mới		89.355	61.385	27.970	
29	Đường giao thông nội thôn, nội đồng xã Thành Hải (giai đoạn 2)	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	430	410	20	
30	Đường giao thông nông thôn xã Phước Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Ninh Phước	1.900	870	1.030	
31	Đường giao thông nông thôn xã Phước Sơn (giai đoạn 2)	-nt-	1.730	700	1.030	

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
32	Đường giao thông nông thôn xã Phước Hậu (giai đoạn 2)	-nt-	1.830	800	1.030	
33	Đường giao thông nông thôn xã An Hải (giai đoạn 2)	-nt-	1.000	720	280	
34	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Sơn (giai đoạn 2)	UBND huyện Ninh Sơn	3.750	3.750		
35	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Sơn (giai đoạn 2)	-nt-	4.000	4.000		
36	Đường giao thông nông thôn xã Lâm Sơn (giai đoạn 2)	-nt-	4.100	4.100		
37	Bê tông xi măng các trục đường khu dân cư xã Phước Đại	UBND huyện Bác Ái	3.000	3.000		
38	Trường Tiểu học Phước Đại B (Xây dựng các phòng học, phòng chức năng, sân vườn và các hạng mục phụ trợ)	-nt-	7.500	7.500		
39	Nâng cấp hệ thống thoát nước, chống ngập úng tại các khu dân cư xã Phước Đại	-nt-	7.000	7.000		
40	Nâng cấp hệ thống truyền thanh xã Công Hải	UBND huyện Thuận Bắc	180	180		
41	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học Mỹ Nhơn	-nt-	330	330		
42	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải	-nt-	440	440		
	Huyện Thuận Nam		11.200	11.200		Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
43	Xây mới Chợ Vụ Bồn	UBND huyện Thuận Nam				

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
44	Hệ thống thoát nước các trục đường xã Phước Minh	-nt-				
45	Đường giao thông nông thôn xã Phước Nam (giai đoạn 2)	-nt-				
46	Nâng cấp các trục đường giao thông xã Phước Diêm	-nt-				
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		23.630	9.450	14.180	Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
47	Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn trên địa bàn huyện Ninh Sơn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
*	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới		17.335	6.935	10.400	Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
48	Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò tổ chức quản lý cộng đồng tại thôn Cầu Gậy, xã Vĩnh Hải					
III	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		187.987	180.647	7.340	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		10.994	10.994		
<i>a</i>	<i>Thanh toán công trình hoàn thành</i>		<i>3.737</i>	<i>3.737</i>		
1	Tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho người dân xã Phước Hà	UBND huyện Thuận Nam	1.040	1.040		
2	Dự án cơ sở hạ tầng Khu dân cư thôn Đá Hang, xã Vĩnh Hải	UBND huyện Ninh Hải	247	247		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
3	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho người dân thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	UBND huyện Thuận Bắc	2.450	2.450		
b	Công trình chuyển tiếp		7.257	7.257		
4	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung tại khu dân cư thị trấn Phước Dân	UBND huyện Ninh Phước	637	637		
5	Dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo các xã	UBND huyện Ninh Sơn	2.020	2.020		
6	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung tại các xã: Phước Bình, Phước Trung, Phước Thắng, Phước Chính, Phước Tiến, Phước Tân	UBND huyện Bác Ái	4.600	4.600		
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết		5.339	5.339		
a	Thanh toán công trình hoàn thành		4.398	4.398		
7	Tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho người dân xã Phước Hà	UBND huyện Thuận Nam	1.398	1.398		
8	Dự án cơ sở hạ tầng Khu dân cư thôn Đá Hang, xã Vĩnh Hải	UBND huyện Ninh Hải	600	600		
9	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho người dân thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	UBND huyện Thuận Bắc	2.400	2.400		
	Công trình chuyển tiếp		941	941		
10	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư trên địa bàn huyện Bác Ái	UBND huyện Bác Ái	941	941		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		9.004	9.004		
	Khởi công mới		9.004	9.004		Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
	Dự án đầu tư xây dựng vùng trồng dược liệu quý	UBND huyện Bắc Ái				
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc		86.446	84.546	1.900	
<i>a</i>	Thanh toán công trình hoàn thành		42.847	42.847		
11	Cải tạo trạm y tế tại các xã Phước Thái, Phước Hậu, Phước Hải	UBND huyện Ninh Phước	129	129		Đã QT
12	Xây mới công tường rào sân bóng đá thôn Hiếu thiện, Thiện Đức, xã Phước Ninh	UBND huyện Thuận Nam	121	121		
13	Nâng cấp kênh mương Gộp 60 (từ ruộng bà Pi Năng Thị Thế đến ruộng bà Tạ Yên Thị Rêu; và từ ruộng ông Tạ Yên Phụng đến ruộng ông Tạ Yên Nghệ), xã Phước Hà	-nt-	53	53		
14	Đường giao thông xã Phước Thắng	UBND huyện Bắc Ái	1.000	1.000		
15	Đường giao thông xã Phước Tân	-nt-	4.400	4.400		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
16	Đường giao thông xã Phước Chính	-nt-	3.800	3.800		
17	Đường giao thông xã Phước Thành	-nt-	5.300	5.300		
18	Đường giao thông xã Phước Đại	-nt-	2.800	2.800		
19	Đường giao thông xã Phước Trung	-nt-	3.900	3.900		
20	Đường giao thông xã Phước Tiến	-nt-	4.800	4.800		
21	Đường giao thông xã Phước Kháng	UBND huyện Thuận Bắc	2.530	2.530		
22	Trường mẫu giáo Phước Kháng (phòng đa năng cơ sở chính; 05 phòng học cơ sở Suối Le; 04 phòng, bếp ăn liên hoàn, nhà vệ sinh cơ sở Cầu Đá)	-nt-	2.810	2.810		
23	Nhà văn hóa thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn (Hạng mục: Cổng tường rào, nhà vệ sinh, sân bê tông, mái che)	-nt-	100	100		
24	Nâng cấp tràn Bùng Bầu Tre, Bùng Du Kích thôn Láng Me, xã Bắc Sơn	-nt-	150	150		
25	Trường TH-THCS xã Phước Kháng ở cơ sở Chính, cơ sở Suối Le và cơ sở Đá Liệt (Hạng mục: Nhà để xe, nhà vệ sinh sân vườn, tường rào)	-nt-	1.130	1.130		
26	Hệ thống điện phục vụ vùng sản xuất Cây Sung - Tà Lốc, thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn.	-nt-	1.600	1.600		
27	Đường giao thông xã Phước Chiến	-nt-	6.570	6.570		
28	Nâng cấp tuyến đường từ Trường mẫu giáo Hoa Mai đến suối Sông Chá - thôn Lương Giang	UBND huyện Ninh Sơn	9	9		Đã QT
29	Đường giao thông xã Ma Nới	-nt-	1.645	1.645		
b	Công trình chuyển tiếp		16.420	14.520	1.900	
30	Nhà hỏa táng tại Nghĩa Trang Chung Mỹ, Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp	14.600	12.700	1.900	

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
31	Làm mới trục đường khu trung tâm hành chính (Đường D2), xã Phước Thành	UBND huyện Bắc Ái	640	640		
32	Đường từ trạm Y tế đi kênh SN4 (đoạn chính), xã Phước Chính	-nt-	400	400		
33	Đường giao thông đi khu sản xuất cánh đồng Chà Panh xã Phước Hòa	-nt-	780	780		
c	Khởi công mới		27.179	27.179		
34	Bê tông các tuyến đường nội thôn Tà Dương, xã Phước Thái	UBND huyện Ninh Phước	187	187		
35	Đường dọc kênh Nam và kênh Nam Suối Gió (Đoạn 2), xã Phước Chính	UBND huyện Bắc Ái	1.800	1.800		
36	Bê tông xi măng đường N1 phục vụ sản xuất cánh đồng mẫu lớn, xã Phước Chính	-nt-	2.000	2.000		
37	Đường nội đồng kẹp kênh Gia Ngheo (đường Đnd 13-Đnd14), xã Phước Bình	-nt-	3.280	3.280		
38	Hệ thống kênh mương các thôn thuộc xã Phước Kháng	UBND huyện Thuận Bắc	4.210	4.210		
39	Trường mẫu giáo Bắc Sơn: 04 phòng;...	-nt-	3.000	3.000		
40	Kênh mương nội đồng các thôn thuộc xã Bắc Sơn	-nt-	1.000	1.000		
41	Nâng cấp, cải tạo đập thủy lợi Tà Lâm 1, Tà Lâm 2 và đập suối Tà Nôi, xã Ma Nới	UBND huyện Ninh Sơn	3.700	3.700		
42	Bê tông hóa đường nội thôn Mỹ Hiệp xã Mỹ Sơn	-nt-	4.576	4.576		
43	Nâng cấp đường bê tông giao thông thôn Phước Nhon xã Xuân Hải	UBND huyện Ninh Hải	1.100	1.100		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
44	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với du lịch các thôn thuộc xã Xuân Hải (thôn An Nhơn và thôn Phước Nhơn)	-nt-	1.470	1.470		
	Huyện Thuận Nam		856	856		Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
45	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Bi đến nhà ông Lưu Tích Trí, xã Phước Ninh	UBND huyện Thuận Nam				
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		22.983	22.983		
<i>a</i>	Thanh toán công trình hoàn thành		12.083	12.083		
46	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Phước Hà và các hạng mục khác	UBND huyện Thuận Nam	5.620	5.620		
47	Trường PTDTBT TH Phước Đại A (Xây dựng 08 phòng học, các phòng chức năng, thư viện, nhà để xe, bảo vệ và nhà công vụ giáo viên)	UBND huyện Bắc Ái	2.000	2.000		
48	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Linh, xã Phước Tân (Xây dựng 08 phòng học bộ môn và chức năng, nhà đa năng, thư viện, nhà bảo vệ, hệ thống PCCC)	-nt-	1.870	1.870		
49	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Huệ (Xây dựng nhà đa năng, 06 phòng học)	-nt-	1.400	1.400		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
50	Trường PTDTBT TH Phước Thành B (Xây dựng nhà đa năng, 06 phòng học)	-nt-	1.193	1.193		
b	Khởi công mới		10.900	10.900		
52	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh, xã Phước Bình (Xây dựng các phòng chức năng, nhà đa năng, khu hoạt động thể dục thể thao và nhà ở cho học sinh bán trú)	UBND huyện Bắc Ái	2.500	2.500		
53	Trường Tiểu học Phước Thắng (Xây dựng phòng học và các phòng chức năng)	-nt-	2.000	2.000		
54	Trường PTDTBT THCS Lê Lợi xã Phước Thắng (Xây dựng các phòng chức năng, nhà vệ sinh, nhà để xe)	-nt-	2.500	2.500		
55	Trường THCS Võ Thị Sáu, xã Phước Hòa (Xây mới các phòng chức năng)	-nt-	2.400	2.400		
56	Trường tiểu học Phước Đại B (Xây dựng tường rào và nhà để xe..)	-nt-	1.500	1.500		
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		9.875	9.805	70	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		7.695	7.695		
57	Nhà Văn hóa các thôn Hiếu Thiện, Vụ Bồn xã Phước Ninh	UBND huyện Thuận Nam	485	485		
58	Xây nhà truyền thống thôn Văn Lâm 2, xã Phước Nam,	-nt-	542	542		
59	Xây dựng Nhà truyền thống xã Phước Hà	-nt-	340	340		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
60	Nâng cấp, đầu tư xây dựng nhà văn hóa, thể thao tại các thôn (Tà Nôi, Ú, Do), xã Ma Nới	UBND huyện Ninh Sơn	1.450	1.450		
61	Cải tạo Nhà trưng bày dệt Thỏ cảm Mỹ Nghiệp, thị trấn Phước Dân	UBND huyện Ninh Phước	502	502		
62	Dự án Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	UBND huyện Thuận Bắc	2.715	2.715		
63	Xây dựng điểm sáng văn hóa cơ sở các xã gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện	UBND huyện Bác Ái	1.661	1.661		
	Khởi công mới		2.180	2.110	70	
64	Xây dựng khu du lịch sinh thái cộng đồng (100 hộ), xã Phước Hòa	UBND huyện Bác Ái	1.190	1.190		
65	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa kết hợp phát triển du lịch cộng đồng dân tộc thiểu số	UBND huyện Ninh Hải	430	430		
	Sở Văn hóa -TTDL		560	490	70	Giao vốn chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
57	Dự án tu bổ tôn tạo di tích quốc gia - Bẫy đá Pinăng Tắc	Sở Văn hóa - TTDL				
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		43.346	37.976	5.370	

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
	<i>TDA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030</i>		40.250	35.000	5.250	
	Thanh toán công trình hoàn thành		40.250	35.000	5.250	
67	Dự án đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất Chương trình Phát thanh, Truyền hình Tiếng dân tộc - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	Đài Phát thanh và Truyền hình	40.250	35.000	5.250	
	<i>TDA2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		3.096	2.976	120	
<i>a</i>	Thanh toán công trình hoàn thành		2.516	2.396	120	
68	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	Ban Dân tộc	900	780	120	
69	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	UBND huyện Thuận Bắc	520	520		
70	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	UBND huyện Bắc Ái	1096	1096		

STT	Danh mục/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	
<i>b</i>	<i>Khởi công mới</i>		<i>580</i>	<i>580</i>		
71	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	UBND huyện Ninh Sơn	540	540		
72	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	UBND huyện Ninh Phước	40	40		

Ghi chú

(*) Đối với số vốn đối ứng 2.780 triệu đồng của 02 Trường Trung cấp y tế (640 triệu đồng) và Trường Cao đẳng Nghề (2.150 triệu đồng) đã bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND, nên không tiếp tục bố trí đối ứng

(*) Đối với số vốn đối ứng 75.720 triệu đồng, trong đó UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 450 triệu đồng; UBND huyện Thuận Nam: 13.590 triệu đồng; UBND huyện Thuận Bắc: 6.070 triệu đồng; UBND huyện Ninh Sơn: 14.580 triệu đồng; UBND huyện Ninh Sơn: 14.580 triệu đồng; UBND huyện Ninh Hải: 2.200 triệu đồng; UBND huyện Ninh Phước: 1.670 triệu đồng; UBND huyện Bác Ái: 37.160 triệu đồng

Phụ lục 7

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Công trình đẩy nhanh tiến độ		
1	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
2	Dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	
3	Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná	BQL dự án đầu tư XD các công trình Giao thông	
4	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	BQL dự án đầu tư XD các công trình Giao thông	